

QUY CHẾ

Quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026
của UBND thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng được nhà nước giao cho các nhóm hộ gia đình và cộng đồng dân cư quản lý và sử dụng trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các cộng đồng dân cư và nhóm hộ gia đình được nhà nước giao rừng để quản lý và sử dụng;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có rừng cộng đồng;
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cộng đồng* bao gồm cộng đồng dân cư và nhóm hộ gia đình.
- Rừng cộng đồng* là rừng tự nhiên do Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển.
- Ban quản lý rừng cộng đồng* là tổ chức do cộng đồng tự thành lập để điều hành các hoạt động có liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.
- Ban giám sát rừng cộng đồng* là tổ chức do cộng đồng dân cư bầu chọn dưới sự chủ trì của Ban công tác Mặt trận thôn để thực hiện việc giám sát các hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.
- Phương án quản lý rừng bền vững của cộng đồng* là việc xác định mục tiêu; kế hoạch và biện pháp quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng trong thời gian 5 năm hoặc 10 năm.

6. *Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm* là kế hoạch về các hoạt động lâm nghiệp trong một năm của cộng đồng trên cơ sở Phương án quản lý rừng bền vững.

7. *Quy ước bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng* là quy ước do cộng đồng được giao rừng lập nhằm mục đích quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Chương II

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG

Điều 3. Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững

1. Khuyến khích chủ rừng là Cộng đồng tự xây dựng và phê duyệt thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững (sau đây gọi tắt là Phương án) theo hướng dẫn tại Mẫu số 02 Phụ lục III, ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TTBNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý Nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm khi có trên 50% tổng số thành viên đại diện hộ gia đình trong cộng đồng tán thành.

Trường hợp cộng đồng có tổ chức hoạt động du lịch sinh thái thì Phương án quản lý rừng bền vững được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; trình tự và hồ sơ đề nghị phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án theo khoản 4 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TTBNNMT.

2. Tùy theo điều kiện thực tế của mỗi cộng đồng, thời gian thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững là từ 05 năm hoặc 10 năm, kể từ ngày phương án được phê duyệt. Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp có ảnh hưởng đến mục đích sử dụng của khu rừng hoặc khi cộng đồng có nhu cầu thay đổi kế hoạch quản lý, sản xuất, kinh doanh cộng đồng phải điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững đã phê duyệt.

Điều 4. Xây dựng Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm

1. Cộng đồng xây dựng và phê duyệt Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục I đính kèm Quyết định này để làm cơ sở tổ chức triển khai việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

2. Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm được thông qua khi có trên 50% số thành viên đại diện hộ gia đình trong cộng đồng tán thành.

3. Hạt Kiểm lâm khu vực có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm của cộng đồng.

Chương III

XÂY DỰNG QUY ƯỚC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CỘNG ĐỒNG

Điều 5. Xây dựng Quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

1. Cộng đồng xây dựng Quy ước để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng được nhà nước giao theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục II đính kèm Quyết định này.

2. Nội dung của Quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng do cộng đồng quyết định, bao gồm một hoặc một số lĩnh vực của đời sống xã hội mà pháp luật chưa quy định; ghi nhận các phong tục, tập quán tốt đẹp và biện pháp để thực hiện quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển rừng cộng đồng như: Quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng trong việc bảo vệ và phát triển rừng; Quy định về bảo vệ rừng và huy động nội lực của cộng đồng để chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển những khu rừng Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý (những khu rừng bảo vệ nguồn nước quan trọng, những khu rừng lịch sử, phong cảnh, tín ngưỡng của cộng đồng); Về khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ và lâm sản; về bảo vệ động vật rừng; việc chăn thả gia súc trong rừng; về phòng cháy chữa cháy rừng, sử dụng lửa trong rừng và các vấn đề phòng trừ sâu bệnh hại rừng; về phát hiện, ngăn chặn những tác nhân xâm hại đến rừng, ngăn chặn người ở các địa bàn khác đến phá rừng làm rẫy, khai thác, mua bán, vận chuyển, săn bắt động vật rừng trái pháp luật trên địa bàn thôn và hành vi chứa chấp những việc làm sai trái đó; việc tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong lĩnh vực bảo vệ, phát triển rừng; việc phối hợp liên thôn để bảo vệ và phát triển rừng có hiệu quả; quy định về việc xử lý những vi phạm về bảo vệ, phát triển rừng; quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ đầu tư, hỗ trợ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng; quy định cụ thể về chia sẻ lợi ích trong cộng đồng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trình tự soạn thảo, công nhận, tạm ngừng thực hiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 6. Tổ chức thực hiện Quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

1. Quy ước đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận phải được Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Cộng đồng dân cư thông tin, phổ biến kịp thời, rộng rãi đến các hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư để biết, thực hiện. Việc

thông tin, phổ biến, đánh giá thực hiện quy ước của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 61/2023/NĐ-CP.

2. Việc thống kê, báo cáo về xây dựng và thực hiện quy ước được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP. Giao UBND cấp xã là cơ quan đầu mối để tổng hợp, thống kê báo cáo, tổ chức sơ kết, tổng kết về xây dựng và thực hiện quy ước trên địa bàn quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỪNG CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 7. Ban quản lý rừng cộng đồng

1. Cộng đồng được thành lập Ban Quản lý rừng cộng đồng (Ban Quản lý) để điều hành mọi hoạt động của cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng được nhà nước giao quản lý.

2. Ban Quản lý do cộng đồng dân cư bầu ra khi có trên 50% đại diện hộ gia đình trong cộng đồng bỏ phiếu hoặc biểu quyết tán thành.

3. Ban Quản lý có bốn (04) thành viên, gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban; 01 phụ trách kế toán, tài chính; 01 thư ký kiêm thủ quỹ.

4. Nhiệm vụ của Ban Quản lý

a) Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững (nếu có); Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm;

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuần tra, bảo vệ rừng;

c) Xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí cộng đồng và thực hiện kế hoạch sử dụng kinh phí sau khi được cộng đồng thảo luận, thông qua; công khai kết quả sử dụng nguồn kinh phí của cộng đồng;

d) Đại diện cho cộng đồng tham gia phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

đ) Đại diện cộng đồng tổ chức huy động các nguồn vốn, kinh phí từ các tổ chức, cơ quan phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

e) Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng định kỳ hoặc đột xuất cho UBND cấp xã, cơ quan Kiểm lâm khi có yêu cầu theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục III đính kèm Quyết định này;

g) Các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

5. UBND cấp xã phối hợp với cơ quan Kiểm lâm hướng dẫn cộng đồng dân cư thành lập Ban Quản lý.

Điều 8. Ban giám sát rừng cộng đồng

1. Cộng đồng được thành lập Ban Giám sát rừng cộng đồng (Ban Giám sát) để giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng được nhà nước giao quản lý.

2. Ban Quản lý rừng cộng đồng phối hợp với Ban công tác Mặt trận khu dân cư tổ chức cuộc họp bầu ra Ban Giám sát rừng cộng đồng gồm 02 đến 03 thành viên.

3. Ban Giám sát thực hiện giám sát độc lập các hoạt động liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng; công tác thu, chi kinh phí tài chính của cộng đồng; tham gia, phối hợp xác minh các vụ việc vi phạm Quy ước quản lý rừng và các hoạt động khác liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

Điều 9. Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt của cộng đồng

1. Cộng đồng được thành lập các Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt để thực hiện tuần tra, bảo vệ rừng.

2. Ban Quản lý rừng cộng đồng tổ chức hội nghị để lựa chọn và thành lập các Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt. Ưu tiên lựa chọn người có sức khỏe, am hiểu địa hình các khu rừng, có uy tín và năng lực tổ chức tuần tra.

3. Mỗi Tổ (Đội) có từ 03 đến 10 thành viên tùy theo quy mô của cộng đồng và điều kiện, vị trí, diện tích, khu vực rừng cộng đồng, bao gồm: 01 Tổ (Đội) trưởng; 01 Tổ (Đội) phó và các thành viên.

4. Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng theo kế hoạch đã được lập. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp và các hành vi vi phạm Quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng.

Chương V

TUẦN TRA, BẢO VỆ RỪNG

Điều 10. Chế độ tuần tra, bảo vệ rừng

Cộng đồng tổ chức thực hiện công tác tuần tra, bảo vệ rừng theo định kỳ hoặc đột xuất như sau:

1. Tuần tra định kỳ: Căn cứ tình hình thực tế, Ban Quản lý rừng cộng đồng xây dựng kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng định kỳ tối thiểu 02 lần trong 01 tháng.

2. Tuần tra đột xuất: Khi có thông tin, tin báo về các hành vi vi phạm liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển, sử dụng rừng hoặc các hành vi xâm

hại đến tài nguyên rừng, Ban Quản lý rừng cộng đồng tổ chức tuần tra bảo vệ rừng đột xuất nhằm kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm.

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của Tổ (Đội) tuần tra, bảo vệ rừng

1. Khi thực hiện tuần tra, bảo vệ rừng Tổ (Đội) bảo vệ rừng có trách nhiệm:

a) Kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; các hành vi vi phạm Quy ước bảo vệ rừng của cộng đồng và hành vi khác xâm hại đến tài nguyên rừng;

b) Tổ chức thực hiện phương án, biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng; phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân trong khu vực tham gia bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng;

c) Phân công, giám sát, phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên khi thực hiện tuần tra, bảo vệ rừng cộng đồng;

d) Trong quá trình tuần tra phải có ghi chép đầy đủ vào nhật ký tuần tra theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục IV đính kèm Quyết định này;

đ) Báo cáo tình hình, kết quả tuần tra, bảo vệ rừng cho Ban Quản lý rừng cộng đồng khi kết thúc tuần tra.

2. Trong quá trình tuần tra bảo vệ rừng, trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; các hành vi vi phạm Quy ước cộng đồng và hành vi khác xâm hại đến tài nguyên rừng, Tổ (Đội) tuần tra có quyền:

a) Báo cáo trực tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Kiểm lâm làm việc tại địa bàn về các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng để kịp thời phối hợp xử lý;

b) Lập biên bản ghi nhận hành vi, sự việc vi phạm theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục V đính kèm Quyết định này;

c) Ghi nhận hình ảnh, lưu giữ lời nói của đối tượng vi phạm;

d) Thu giữ phương tiện, tang vật do đối tượng vi phạm để lại, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện quyền phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 12. Quyền của cộng đồng

Cộng đồng được nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển, có các quyền lợi sau đây:

1. Các quyền chung quy định tại Điều 73 của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

2. Được hướng dẫn sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác dưới tán rừng, chăn thả gia súc theo Quy chế quản lý rừng; được hỗ trợ phát triển kinh tế rừng, hỗ trợ phục hồi rừng bằng cây lâm nghiệp bản địa;

3. Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 52 Luật Lâm nghiệp, rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55 Luật Lâm nghiệp, rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58 Luật Lâm nghiệp; được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước; được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng do cộng đồng đầu tư;

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của cộng đồng

Cộng đồng có nghĩa vụ sau đây:

1. Các nghĩa vụ chung quy định tại Điều 74 của Luật Lâm nghiệp;

2. Xây dựng, hoàn thiện, thực hiện quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

3. Bảo đảm diện tích rừng được giao; khuyến khích phát triển rừng từ nguồn kinh phí của cộng đồng;

4. Không được phân chia rừng cho các thành viên trong cộng đồng dân cư;

5. Không được chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng rừng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng.

6. Phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa từ nguồn kinh phí của cộng đồng nếu cộng đồng không chủ động phát hiện, để xảy ra phá rừng trái pháp luật.

7. Các nghĩa vụ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Chương VII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ TỪ ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG

Điều 14. Nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng

1. Nguồn kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng từ nguồn kinh phí các loại dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Điều 61 Luật Lâm nghiệp;

- b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- c) Tiền tài trợ từ các chương trình, dự án, tổ chức, cá nhân cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng;
- d) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Ban Quản lý được đại diện cho cộng đồng mở tài khoản tiền gửi là tài khoản chung cộng đồng hoặc tài khoản đồng sở hữu tại ngân hàng để thực hiện quản lý và sử dụng theo kế hoạch thu, chi đã được cộng đồng thông qua.

Điều 15. Sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng

1. Cộng đồng tự chủ xây dựng và thông qua kế hoạch thu, chi, sử dụng nguồn tiền đầu tư, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng đảm bảo nguyên tắc các khoản chi không vượt thu.

2. Nội dung sử dụng nguồn kinh phí

a) Phục vụ chủ yếu cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng công tác tuần tra, tuyên truyền bảo vệ rừng, làm giàu rừng;

b) Được hỗ trợ, cho mượn, cho vay đối với thành viên trong cộng đồng để phát triển, ổn định kinh tế, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất;

c) Hỗ trợ Ban Quản lý và các hoạt động giám sát; thành viên Tổ (Đội) nòng cốt tuần tra bảo vệ rừng bị tai nạn, thương tích khi tham gia tuần tra, bảo vệ rừng, mức hỗ trợ do cộng đồng quyết định;

d) Khuyến khích mua sắm phương tiện, dụng cụ, trang phục cho Tổ (Đội) nòng cốt bảo vệ rừng; đóng cột mốc ranh giới hoặc trồng cây chỉ thị; xây dựng bản thông báo, cảnh báo khu vực rừng cộng đồng.

3. Cộng đồng quyết định mức chi cho các hoạt động quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống khi có trên 50% tổng số thành viên đại diện hộ gia đình trong cộng đồng tán thành và được xây dựng vào kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm của cộng đồng.

4. Khuyến khích các cộng đồng tranh thủ sự đầu tư của các tổ chức, dự án để lập kế hoạch mua sắm và tập huấn sử dụng các thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, như: máy vi tính, máy định vị và máy tính bảng, và các thiết bị khác.

5. Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, dự án có quy định cụ thể cách thức, điều kiện quản lý, sử dụng, cộng đồng thực hiện việc quản lý và sử dụng nguồn tiền hỗ trợ theo mục đích, yêu cầu và phương thức chi theo quy định của từng chương trình, dự án đó.

Điều 16. Giám sát sử dụng nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng

1. Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng nguồn tiền, công tác thu, chi phải lập sổ theo dõi, ghi chép cụ thể, rõ ràng.
2. Việc thu, chi và sử dụng kinh phí phải phù hợp với kế hoạch đã được cộng đồng thông qua. Các khoản mua sắm phải có hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định; các khoản chi phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng do cộng đồng thực hiện phải có xác nhận của Trưởng Ban quản lý, phụ trách kế toán và thủ quỹ, đảm bảo công khai, minh bạch.
3. Ban giám sát cộng đồng thực hiện giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng.
4. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố giám sát việc quản lý và sử dụng các khoản tiền từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng; kinh phí chi trả giảm phát thải khí nhà kính.
5. Ban Quản lý rừng cộng đồng lưu trữ đầy đủ hồ sơ, sổ sách, chứng từ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và của cộng đồng dân cư.

Chương VIII

THU HỒI VÀ QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG

Điều 17. Thu hồi rừng đã giao cho cộng đồng

1. Nhà nước thu hồi rừng đã giao cho cộng đồng trong các trường hợp sau đây:
 - a) Cộng đồng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về Lâm nghiệp;
 - b) Cộng đồng không tiến hành hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận;
 - c) Cộng đồng tự nguyện trả lại rừng;
 - d) Rừng được nhà nước giao khi hết hạn mà không được gia hạn;
 - đ) Rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng;
 - e) Các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai.
2. Cộng đồng được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi rừng vì mục đích Quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì

lợi ích Quốc gia, công cộng; giao rừng, cho thuê rừng không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng.

Điều 18. Quản lý rừng cộng đồng sau thu hồi

Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền thu hồi rừng đã giao cho cộng đồng đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này; tổ chức quản lý rừng cộng đồng bị thu hồi để giao, cho thuê theo quy định của pháp luật.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý rừng cộng đồng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố đôn đốc, triển khai, giám sát việc thực hiện nội dung bản Quy chế;

b) Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tăng cường công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, phối hợp UBND cấp xã hỗ trợ cộng đồng dân cư xây dựng, thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững, xây dựng các mô hình phát triển sinh kế nâng cao thu nhập cho người dân. Thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn chặn hiệu quả hành vi xâm hại tài nguyên rừng gắn với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật Lâm nghiệp;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kêu gọi, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố bố trí nguồn lực để thực hiện Quy chế phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và các quy định hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án thực hiện công tác quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn thành phố.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương tham mưu UBND thành phố đặt hàng các nhiệm vụ khoa

học và công nghệ liên quan đến ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

4. Sở Văn hóa và Thể thao: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động liên quan đến bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng cộng đồng.

5. Sở Du lịch: Nghiên cứu phát triển các dịch vụ du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng, sinh thái và các hoạt động khác liên quan đến rừng cộng đồng để phát huy tiềm năng, bản sắc của cộng đồng góp phần phát triển sinh kế và tăng cường hiệu quả quản lý rừng cộng đồng.

6. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường cho các cộng đồng. Hướng dẫn các cộng đồng về hồ sơ, thủ tục liên quan để thực hiện chi trả theo đúng quy định. Kiểm tra, giám sát việc thu, chi của các cộng đồng đối với nguồn tiền từ chi trả dịch vụ môi trường rừng; kinh phí chi trả giảm phát thải khí nhà kính.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động quản lý rừng cộng đồng được nêu trong bản Quy chế;

2. Chỉ đạo phòng chuyên môn trực thuộc thực hiện các nội dung trong Quy chế này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật về Lâm nghiệp tại địa phương;

3. Khuyến khích, hướng dẫn các cộng đồng chủ động xây dựng phương án phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng với các cộng đồng liên kề; quá trình thực hiện phối hợp có tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm định kỳ theo quý, 06 tháng và cả năm;

4. Thực hiện nhiệm vụ thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này và thực hiện thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động lâm nghiệp.

5. Lồng ghép, bố trí nguồn kinh phí từ Ngân sách địa phương hoặc huy động các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ cộng đồng thực hiện các hoạt động theo nội dung Quy chế này gắn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương;

6. Cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho chủ rừng là cộng đồng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, khoản 7 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức đầu tư, mức hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Huế.

7. Phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực tổ chức giao ban tất cả các cộng đồng trên địa bàn xã 06 tháng 01 lần.

Điều 21. Trách nhiệm của Hạt Kiểm lâm khu vực

1. Phối hợp UBND cấp xã theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng cộng đồng; chủ động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn xã/phường để hỗ trợ cho các cộng đồng thực thi quyền chủ rừng.

2. Chỉ đạo Kiểm lâm làm việc tại địa bàn giúp UBND cấp xã thực hiện

a) Cập nhật, đối chiếu tình hình rừng của cộng đồng khi giao và thực tế biến động do các nguyên nhân để làm căn cứ điều chỉnh, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng để quản lý;

b) Tổ chức họp giao ban tất cả các cộng đồng trên địa bàn theo Quy chế này.

c) Hướng dẫn cộng đồng phục hồi lại rừng theo Quy chế này và các quy định của pháp luật;

3. Hướng dẫn, phối hợp với cộng đồng xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp.

4. Chủ trì phối hợp UBND cấp xã tổ chức giao ban tất cả các cộng đồng 06 tháng 01 lần.

Điều 22. Trách nhiệm của Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước 01 thành viên Lâm nghiệp

Chủ động phối hợp và hỗ trợ các Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt của cộng đồng nhằm bảo vệ tốt các diện tích rừng được giao và những diện tích rừng liền kề.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức liên quan trên địa bàn; Chủ tịch UBND cấp xã nơi có rừng cộng đồng có trách nhiệm:

1. Phổ biến, triển khai các quy định tại Quy chế này.

2. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung trong Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

Phụ lục I**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG HÀNG NĂM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

UBND XÃ
CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

**Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hàng năm của cộng đồng
xã/phường....., thành phố Huế**

MỞ ĐẦU**Phần thứ nhất****THÔNG TIN CHUNG VÀ HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Mục đích, thời gian xây dựng Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hàng năm của cộng đồng (Sau đây gọi là Kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng):

- Mục đích: Thiết lập được Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng gắn với Phương án quản lý rừng bền vững nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế tập thể, hộ gia đình, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học.

- Thời gian thực hiện kế hoạch:

2. Cơ cấu tổ chức:

Mô tả cơ cấu tổ chức của:

- Ban quản lý rừng cộng đồng:

- Ban giám sát cộng đồng:

- Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt:

...

3. Đặc điểm của cộng đồng

- Số lượng hộ gia đình tham gia trong cộng đồng: mô tả về số lượng hộ gia đình tham gia (hoặc người đại diện gia đình tham gia vào công tác quản lý bảo vệ rừng cộng đồng)

- Tình hình dân sinh, kinh tế của cộng đồng

- Một số thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ rừng của cộng đồng

...

II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Tình hình rừng và đất rừng:

- Tổng diện tích rừng, trong đó:
- + Rừng phòng hộ (rừng tự nhiên, rừng trồng)
- + Rừng sản xuất (rừng tự nhiên, rừng trồng)
- Đặc điểm rừng và đất rừng của cộng đồng
- Xác định rõ những khu vực đất rừng có nguy cơ bị lấn, chiếm

TT	Khu vực có nguy cơ bị lấn, chiếm			Diện tích (ha)	Hiện trạng rừng
	Tiểu khu	Khoảnh	Tên địa phương (đối với khu vực đó)		

2. Tài nguyên thực vật rừng, động vật rừng phân bố trong khu vực

Nội dung này cần mô tả cụ thể về tài nguyên động, thực vật rừng của cộng đồng (những loài quý, hiếm, hoặc những loài lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao), xác định rõ những loài có nguy cơ bị khai thác, xâm hại trong ranh giới quản lý của cộng đồng

TT	Loài	Tiểu khu	Khoảnh	Tên địa phương khu vực phân bố	Số lượng (ước tính)	Nguy cơ bị xâm hại
I	Thực vật					
1	Kiên kiên				50 cây	Cao
2	...					
II	Động vật					
1	Khỉ vàng				30 con	Trung bình
2	...					
III	Lâm sản ngoài gỗ					
1	Lá nón					
	...					

Phần thứ hai**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG****I. XÁC ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU VÀO:**

1. Về kinh phí: Mô tả, xác định các nguồn lực hỗ trợ về kinh phí cho các hoạt động quản lý rừng của cộng đồng, bao gồm:

- Nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Nguồn thu từ kinh doanh các loại lâm sản (khi có điều kiện gây trồng như: rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ: song, mây, cây thuốc...) thu hoạch từ khu rừng cộng đồng;
- Nguồn thu từ xử lý vi phạm Quy ước bảo vệ và phát triển rừng;

- Tiền đóng góp của cộng đồng;
- Tài trợ của các tổ chức/cá nhân (nếu có);
- Các khoản thu khác.

2. Về sự hỗ trợ (kỹ thuật, chính sách...) từ bên ngoài:

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CỤ THỂ

1. Kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng:

Dựa trên các mô tả về hiện trạng tài nguyên rừng, cộng đồng lập kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng theo các tuyến trọng điểm để quản lý bảo vệ các diện tích rừng có nguy cơ bị lấn, chiếm; và ưu tiên bảo vệ các khu vực có các loài động, thực vật, lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao

2. Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng

Lập kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng của cộng đồng; mô tả phương thức thực hiện khi có cháy rừng xảy ra (ai là người chỉ huy, thực hiện chữa cháy như thế nào? Kế hoạch phối hợp phòng cháy, chữa cháy rừng với các đơn vị liên quan...)

3. Khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng; trồng lại rừng

- Xác định các khu vực tiến hành khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng đối với các diện tích rừng nghèo hoặc chưa thành rừng (có thể tham khảo thêm ý kiến của các chuyên gia, đơn vị liên quan đến hoạt động này).

- Dự kiến nguồn chi để trồng lại rừng bằng cây bản địa đối với các khu vực đất trống hoặc trên diện tích rừng đã bị phá.

4. Làm giàu rừng

Xác định khu vực có khả năng thực hiện các biện pháp lâm sinh làm giàu rừng và thời gian thực hiện.

TT	Khu vực		Loài cây	Phương thức trồng	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	Tên địa phương	Tiểu khu, khoảnh, lô				
1			Mây	Trồng ven khe	Cộng đồng đóng góp	2019
...						

5. Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ

- Mô tả phương pháp tiến hành đối với từng loại lâm sản ngoài gỗ: dựa trên mô tả tài nguyên lâm sản ngoài gỗ (mục 2. Tài nguyên thực vật rừng, động vật rừng phân bố trong khu vực của phụ lục này), cộng đồng xác định các khu vực có tiềm năng khai thác cao để lập kế hoạch khai thác cụ thể.

Năm khai thác	Loài	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm
2019	Lá nón	Kg	1000	Tiểu khu..., khoảnh..., lô...
...				
Tổng				

6. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng

Phần thứ ba**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Trách nhiệm của:

- Ban quản lý rừng cộng đồng
- Ban giám sát cộng đồng
- Tổ (Đội) bảo vệ rừng nông cốt
- Các thành viên trong cộng đồng

Phụ lục II**QUY ƯỚC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CỘNG ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

UBND XÃ
CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUY ƯỚC

**Quản lý quản lý, bảo vệ và phát triển rừng rừng cộng đồng,
xã/phường....., thành phố Huế**

I. Căn cứ pháp lý**II. Những thông tin chung**

1. Mục đích xây dựng quy ước quản lý rừng cộng đồng

2. Mục tiêu cụ thể:

(Việc xây dựng Quy ước nhằm đạt được các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường và gìn giữ văn hóa truyền thống của cộng đồng...)

3. Quá trình hình thành cộng đồng

4. Hiện trạng tài nguyên rừng được giao cho cộng đồng

▪ Hiện trạng tài nguyên rừng

- Nêu hiện trạng tài nguyên rừng của cộng đồng

- Tổng diện tích rừng, trong đó:

+ Rừng phòng hộ (rừng tự nhiên, rừng trồng)

+ Rừng sản xuất (rừng tự nhiên, rừng trồng)

▪ Tài nguyên thực vật rừng, động vật rừng phân bố trong khu vực

TT	Loài	Khu vực phân bố	Số lượng	Hình thức phát hiện
I	Động vật			
1	Voọc chà vá chân nâu	Tiểu khu, khoảnh, lô	30 con	Thấy dấu hiệu thức ăn, nghe tiếng hót
...				
II	Thực vật			
1	Kiên kiên	Tiểu khu, khoảnh, lô	20 cây	Nhìn thấy trực tiếp

...				
-----	--	--	--	--

III. Nội dung Quy ước quản lý rừng của cộng đồng

Chương I: Quy định chung

Chương II: Quy định cụ thể

1. Quy định đốt nương làm rẫy gần rừng
2. Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng
3. Quy định về khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ và lâm sản
4. Quy định về việc chăn thả gia súc
5. Săn bắt động vật rừng
6. Quy định về quản lý, sử dụng tiền đầu tư, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng

Chương III: Tổ chức thực hiện

7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi người dân trong thôn
8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Quản lý rừng cộng đồng thôn

Chương IV: Xử lý vi phạm Quy ước và Khen thưởng

9. Quy định về xử lý vi phạm Quy ước:

- Khai thác gỗ trái phép
- Khai thác măng các loại
- Khai thác củi
- Các loại cây thuốc
- Khai thác tre, trúc, giang, nứa
- Lá dong, lá nón và các loại lá khác
- Các loại củ
- Mật ong
- Thu hái các loại quả
- Khai thác song mây
- Săn bắt động vật hoang dã trái phép
- Chăn thả gia súc

10. Khen thưởng

TM. BAN QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG THÔN...
TRƯỞNG BAN

Phụ lục III**BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

UBND XÃ
CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng,
xã/phường....., thành phố Huế, Quý..., năm...**

Kính gửi: UBND xã.....

A. Nội dung báo cáo

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả
I	Thông tin chung		
1	Số thành viên trong cộng đồng	người	
2	Tổng diện rừng được giao	ha	
II	Hoạt động tuần tra rừng cộng đồng		
1	Số đợt tuần tra	đợt	
2	Tổng số công tham gia tuần tra trong Quý	công	
3	Số vụ phát hiện vi phạm	vụ	
4	Tạm giữ tang vật, phương tiện trong đó:		
a	Gỗ	m ³	
b	Lâm sản khác	m ³ (kg, con...)	
c	Phương tiện	...	
5	Số vụ cháy rừng	vụ	
6	Diện tích rừng bị thiệt hại do cháy	ha	
7	Số vụ phá rừng	vụ	
8	Diện tích rừng bị phá	ha	
III	Hoạt động thu hái lâm sản phụ		
1	Mây	đốt	
2	Măng	kg	
3	Mật ong	lít	
4	Tre, nứa	cây	

5	Hạt ươi	kg	
6	...		
IV	Hoạt động tài chính		
1	Tồn Quỹ quý trước chuyển sang	đồng	
2	Tổng thu trong quý	đồng	
3	Tổng chi trong quý	đồng	
4	Tồn Quỹ cuối quý	đồng	

B. Tồn tại, khó khăn

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. Kế hoạch Quý tiếp theo

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

D. Kiến nghị, đề xuất

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hạt Kiểm lâm...;
- Lưu: BQLRCD...

TM. BAN QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG
TRƯỞNG BAN

Phụ lục IV
NHẬT KÝ TUẦN TRA RỪNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

UBND XÃ
CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

NHẬT KÝ TUẦN TRA RỪNG

Cộng đồng, xã/phường.....thành phố Huế

I. Hướng dẫn ghi chép nhật ký tuần tra rừng

- Phải ghi chép vào phiếu tất cả các đợt tuần tra, đánh số thứ tự vào cột (1).
- Nếu đi tuần tra 1 đợt 2 ngày trở lên thì ghi ở cột (2) từ ngày... đến ngày...
- Tên người đi tuần tra ở cột (3) chỉ cần ghi tên là được
- Đợt tuần tra không phát hiện những hành vi vi phạm thì ghi vào cột (4) “Bình thường”
- Nếu khi đi tuần tra phát hiện các trường hợp như: (1) Khai thác gỗ; (2) Phá rừng; (3) Cháy rừng; (4) Gặp thú rừng; (5) Săn, bắt, bẫy động vật rừng;... Cần ghi đầy đủ các nội dung: Việc gì? Ai làm? Loại gì? Bao nhiêu? Giải quyết ra sao?

Ví dụ:

TT	Ngày tuần tra	Người đi tuần tra	Khu vực tuần tra	Ghi nhận tình hình khi đi tuần tra	Ký xác nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	15/4/2025	A Lua + Văn Nở + Nôm	Khe Kiền Kiền	Có 2 người ngoài xã vào rừng định chặt cây ở lô 2 Kh 1 Tk 360, bị Tổ tuần tra đuổi về	
2	30/4/2025	Hồng + Trung + Bương	Khe Ka Đầu	Ông A trong thôn đang phát rẫy trái phép ở lô 3 Kh 2 Tk 360, gặm 10 m2, bị Tổ tuần tra lập biên bản ghi nhận sự việc	
3	15/5/2025	Thân + Ka + Cao	Khe A Giu	Có người đốt ong ở lô 3 Kh 1 TK 360 làm cháy cây bụi, Tổ tuần tra lập biên bản ghi nhận sự việc	

4	30/5/2025	Câu + Thư + Bìu	Cha Linh - Mù Nù	Gặp 1 đàn heo rừng 5 con ở lô 4 Kh 2 TK 360	
5	15/6/2025	A Lua + Văn Nở + Nôm	Khe Mẹ	Bình thường	

NHẬT KÝ TUẦN TRA RỪNG

Cộng đồng, xã/phường.....thành phố Huế

TT	Ngày tuần tra	Người đi tuần tra	Khu vực tuần tra	Ghi nhận tình hình khi đi tuần tra	Ký xác nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Phụ lục V**BIÊN BẢN GHI NHẬN HÀNH VI, SỰ VIỆC VI PHẠM TRONG QUÁ TRÌNH TUẦN TRA BẢO VỆ RỪNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN**Ghi nhận hành vi, sự việc vi phạm trong quá trình tuần tra bảo vệ rừng**

Hôm nay, vào hồi... giờ...phút, ngày...tháng...năm... tại..., chúng tôi gồm:

1. Đại diện Tổ (Đội) bảo vệ rừng nòng cốt:

- Ông/bà:....., chức vụ:.....
- Ông/bà:....., chức vụ:.....
- Ông/bà:....., chức vụ:.....

2. Đại diện đơn vị phối hợp (nếu có):

- Ông/bà:....., chức vụ:.....
- Ông/bà:....., chức vụ:.....
- Ông/bà:....., chức vụ:.....

3. Người vi phạm (nếu có):

- Ông/bà:....., nghề nghiệp/chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....

4. Người chứng kiến (nếu có):

- Ông/bà:....., nghề nghiệp/chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....

NỘI DUNG:

Trong quá trình tuần tra bảo vệ rừng, chúng tôi tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc như sau:

Ghi rõ các vấn đề phát hiện được trong khi tuần tra: nêu cụ thể hành vi vi phạm (phá rừng, khai thác rừng...), mức độ thiệt hại, phát hiện được đối tượng vi phạm hay không?...

.....

.....

.....

.....

[illegible]

.....

NGƯỜI VI PHẠM	NGƯỜI CHỨNG KIẾN	NGƯỜI PHỐI HỢP	ĐẠI DIỆN TỔ (ĐỘI) BẢO VỆ RỪNG	NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
------------------	---------------------	-------------------	-------------------------------------	-----------------------